

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-4-2018.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, chia tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Phụng.

2. Ông Trần Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Phạm Thanh Hiền.

Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 19/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 464/2017/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2017 về việc “*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bùi Ngọc A, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số nhà 37, đường Lê Văn M , tổ 32, khóm M , phường M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số nhà 37, đường Lê Văn M , tổ 32, khóm M , phường M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bùi Ngọc Minh L, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số nhà 37, đường Lê Văn M , tổ 32, khóm M , phường M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông A, bà M và anh L có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Ngọc A trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Ngọc A và bà Nguyễn Ngọc M kết hôn năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp vào ngày 03/02/1995. Trong quá trình sống chung, vợ chồng có hạnh phúc thời gian đầu. Năm 2017, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà M có hành động ghen tuông vô cớ, làm tổn hại đến uy tín của ông A và danh dự của người khác.

Khi ông A bị buộc thôi việc, không còn khoản thu nhập nào để nuôi sống bản thân, bà M không thông cảm mà còn hành hạ, nặng lời với ông A, ông A không còn chịu đựng được nữa nên ông ra ngoài thuê nhà trọ sống từ tháng 5/2017 đến nay và phải sống nhờ vào các em ruột của ông. Trong thời gian xa nhau, vợ chồng không hàn gắn tình cảm. Ông A nhận thấy không còn chút cảm xúc hay tình cảm với bà M nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc M.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Ngọc Minh L, sinh năm 1997, hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng có diện tích đất 85m², thuộc thửa 37, tờ bản đồ số 33, loại đất ở đô thị được Ủy ban nhân dân thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Ngọc A và căn nhà một trệt, một lầu xây dựng trên diện tích 85m², giá trị đất và nhà tạm tính là 800.000.000 đồng. Sau khi ly hôn, ông A đồng ý giao nhà và đất cho bà M, bà M trả cho ông ½ giá trị đất và nhà là 400.000.000 đồng. Nay ông A yêu cầu nhận 1/3 giá trị đất và nhà là 200.000.000 đồng, phần còn lại ông A để lại cho bà M và con trai.

Nợ chung: Không có.

Chi phí xem xét, thẩm định và định giá là 3.162.000 đồng, ông A tự nguyện chịu, đã nộp và chi xong.

Bà Nguyễn Ngọc M trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc M thống nhất lời trình bày của ông A về thời gian kết hôn và thời gian chung sống. Tuy nhiên, bà M không thống nhất lời trình bày của ông A về mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do ông A có quan hệ tình cảm tình cảm với nhiều người phụ nữ khác như cô Lâm Ngân tại Hồng Ngự và cô Châu tại Trường Nguyễn Quan Diêu, thành phố Cao Lãnh. Bà M có đến Trường THPT Nguyễn Quang Diêu nói chuyện trực tiếp với Hiệu trưởng Trường. Khi ông A bị kỷ luật, bà M cũng rất lo cho ông A nhưng ông A không chấp nhận sự lo

lắng của bà M. Việc ông A cho rằng bà M hành hạ, nặng lời với ông là không có thật. Trong thời gian ông A ra ngoài sống, bà M có cố gắng gặp ông A để hàn gắn tình cảm nhưng ông A không đồng ý gặp nên không hàn gắn tình cảm được. Nay bà M không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông A vì vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng phải ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Ngọc Minh L, sinh năm 1997, hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng có diện tích đất 85m², thuộc thửa 37, tờ bản đồ số 33, loại đất ở đô thị được Ủy ban nhân dân thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Ngọc A và căn nhà một trệt, một lầu xây dựng trên diện tích 85m². Bà M không đồng ý ly hôn nên chưa suy nghĩ về việc chia tài sản. Nếu trường hợp bắt buộc phải ly hôn, bà M đồng ý chia cho ông A giá trị tài sản là 200.000.000 đồng tại phiên hòa giải nhưng tại phiên tòa bà M chỉ đồng ý chia cho ông A giá trị nhà và đất là 100.000.000 đồng.

Nợ chung: Không có.

Việc anh A tự nguyện chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá, bà M đồng ý.

Anh Bùi Ngọc Minh L trình bày: Anh L là con của ông A và bà M. Năm 2006, Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Ngọc A theo tiêu chuẩn A, trong hộ thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có anh nhưng lúc đó anh mới được 09 tuổi, không có công sức đóng góp. Phần đất và nhà hiện nay đang tranh chấp là tài sản chung của ông A và bà M, anh L không có liên quan và không có yêu cầu chia đôi với nhà và đất đang tranh chấp.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng văn bản tố tụng, đảm bảo tính khách quan, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trước và tại phiên tòa. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Ngọc A về việc yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Ngọc M.

- Con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Đề xuất, kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Bùi Ngọc A và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, chia tài sản khi ly hôn. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc M có địa chỉ tại Phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của ông Bùi Ngọc A và bà Nguyễn Ngọc M được xác lập vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp vào ngày 03/02/1995 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Ngọc A và bà Nguyễn Ngọc M là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tại phiên tòa hôm nay, ông A cương quyết yêu cầu được ly hôn với bà M vì ông cho rằng giữa ông và bà M không còn chút tình cảm vợ chồng hay tình nghĩa với nhau, công việc của ông đòi hỏi phải tiếp xúc nhiều người, nhất là các trường học và ông có nhiều học trò nhưng bà M ghen tuông vô cớ cho rằng ông có quan hệ tình cảm với những giáo viên nơi ông đến giao dịch, làm việc, có những lời lẽ thô tục xúc phạm ông, các em của ông và những người ông làm việc chung và tiếp xúc trong công việc; trong lúc ông bị buộc thôi việc và buộc phải bồi thường tiền, tinh thần ông bị suy sụp hoàn toàn, tưởng rằng có thể đi đến cái chết, ông rất cần sự chia sẻ của vợ và con nhưng khi đó vợ và con của ông không chia sẻ với ông, mà còn khùng bố, hành hạ tinh thần ông ngày đêm, bà M không cùng ông kiếm tiền bồi thường mà còn nặng lời xúc phạm ông, ông không thể chịu đựng nổi nên bỏ nhà ra ngoài sống riêng; từ khi sống riêng đến nay, vợ chồng không có ngôi lại để hàn gắn tình cảm mà mỗi lần gặp nhau là xúc phạm nhau nên ông A không thể tiếp tục sống chung với bà M được nữa. Tại phiên tòa, bà M yêu cầu đoàn tụ vì bà còn thương chồng, mong muốn vợ chồng sống chung để lo cho con, bà M cho rằng ông A có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, bà cung cấp những tấm ảnh ông A chụp chung với người khác đăng trên mạng xã hội và khi ông A bị kỷ luật, bà cũng rất lo cho ông A nhưng ông A không chấp nhận sự lo lắng của bà; việc ông A cho rằng bà M hành hạ tinh thần và nặng lời với ông là không có thật. Trong thời gian ông A ra ngoài sống, bà M có cố gắng gặp ông A để hàn gắn tình cảm nhưng ông A không đồng ý gặp nên không hàn gắn tình cảm được. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình sống chung, vợ chồng ông A và bà M phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà M cho rằng ông A có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, có cung cấp tin nhắn và các ảnh màu nhưng những hình ảnh

và tin nhắn bà M cung cấp chưa đủ cơ sở cho cho rằng ông A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ông A không thừa nhận có quan hệ với người phụ nữ khác. Tại phiên hòa giải, bà M nhận lỗi, có hứa khắc phục khuyết điểm để vợ chồng hàn gắn tình cảm và mong muốn ông A trở về sống chung với bà nhưng ông A không đồng ý vì cho rằng bà M đã làm tổn thương lòng tự trọng của ông quá nhiều. Tại phiên tòa hôm nay, bà M yêu cầu đoàn tụ nhưng bà không có biện pháp hay cách thức gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà M và ông A đã xa nhau gần một năm nhưng vợ chồng không nói chuyện với nhau, không hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn của ông A và bà M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông A là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Ông Bùi Ngọc A được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc M.

[3] Xét con chung: Ông Bùi Ngọc A và bà Nguyễn Ngọc M có 01 con chung tên Bùi Ngọc Minh L, sinh năm 1997, hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét tài sản chung: Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét duyệt tái định cư sau khi giải thể khu tập thể Trường Bồ túc công nông cũ, theo đó ông Bùi Ngọc A là giáo viên Trường THPT thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh) được cấp một nền nhà tái định cư và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 85m², thuộc thửa 37, tờ bản đồ số 33, loại đất ở đô thị được Ủy ban nhân dân thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Ngọc A ngày 29/12/2006. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong hộ ông Bùi Ngọc A có 03 người gồm ông Bùi Ngọc A, bà Nguyễn Ngọc M và anh Bùi Ngọc Minh L nhưng anh L chỉ mới 09 tuổi. Tại phiên tòa, anh L cho rằng phần đất tranh chấp là tài sản chung của ông A và bà M được cấp theo tiêu chuẩn do Nhà nước quy định, anh không có công sức đóng góp và cũng không có yêu cầu đối với nhà và đất đang tranh chấp. Do đó, diện tích đất 85m², thuộc thửa 37, tờ bản đồ số 33, loại đất ở đô thị được Ủy ban nhân dân thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Ngọc A ngày 29/12/2006 và căn nhà một trệt, một lầu xây dựng trên diện tích 85m² là tài sản chung của vợ chồng ông A và bà M. Tại phiên tòa, ông A đồng ý giao cho bà Nguyễn Ngọc M được sử dụng phần đất diện tích 85m² thuộc thửa 37, tờ bản đồ số 33, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Bùi Ngọc A ngày 29/12/2006 và được sở hữu căn nhà một trệt, một lầu gắn liền với phần đất tại thửa 37, được Ủy ban nhân thành phố Cao Lãnh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho ông Bùi Ngọc A và bà Nguyễn Ngọc M ngày 24/12/2007, đất và nhà tọa lạc tại số 37, đường Lê Văn Mỹ, tổ 32, khóm Mỹ Trung, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Bà Nguyễn Ngọc M có trách nhiệm giao cho ông A ½ giá trị căn nhà và đất là 200.000.000 đồng. Bà M đồng ý sử dụng đất và sở hữu nhà như ông A trình bày nhưng bà chỉ đồng ý

giao cho ông A giá trị nhà và đất là 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tổng giá trị nhà và đất Hội đồng định giá đã định là 483.840.000 đồng nhưng tại phiên tòa ông A chỉ yêu cầu nhận giá trị là 200.000.000 đồng, đồng ý giao nhà và đất cho bà M là có lợi cho bà M và phù hợp với quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[5] Nợ chung: Ông Bùi Ngọc A và bà Nguyễn Ngọc M thống nhất vợ chồng không có nợ ai và không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Chi phí xem xét, thẩm định và định giá là 3.162.000 đồng, ông A tự nguyện chịu, đã nộp và chi xong.

[7] Án phí: Ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và án phí chia tài sản theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm án phí chia tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Xét lời trình bày quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh là chưa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Ngọc A, ông Bùi Ngọc A được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc M.

Con chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Ngọc A.

Giao cho bà Nguyễn Ngọc M được sử dụng phần đất diện tích 85m², thuộc thửa 37, tờ bản đồ số 33, tại các mốc 1, 2, 3, 4 và 1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Bùi Ngọc A ngày 29/12/2006 và được sở hữu căn nhà một trệt, một lầu gắn liền với phần đất tại thửa 37, được Ủy ban nhân thành phố Cao Lãnh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho ông Bùi Ngọc A và bà Nguyễn Ngọc M ngày 24/12/2007, đất và nhà tọa lạc tại số 37, đường Lê Văn Mỹ, tổ 32, khóm Mỹ Trung, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, sơ đồ mốc, bản đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh).

Bà Nguyễn Ngọc M có trách nhiệm giao cho ông A ½ giá trị căn nhà và đất là 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Các đương sự đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Chi phí xem xét, thẩm định và định giá là 3.162.000 đồng *(ba triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng)*, ông A tự nguyện chịu, đã nộp và chi xong.

Án phí: Ông Bùi Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00217 ngày 29/19/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp, như vậy ông A đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình.

Ông Bùi Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản là 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)*, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00218 ngày 29/19/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp, như vậy ông A đã nộp xong án phí chia tài sản.

Bà Nguyễn Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản là 14.192.000 đồng *(mười bốn triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng)*.

Ông Bùi Ngọc A, bà Nguyễn Ngọc M và anh Bùi Ngọc Minh L có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Chi cục THA TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND Phường 1 (số 09, ngày 03/02/1995, số trích lục 336/TLKH-BS ngày 08/9/2017);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh